TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2025
"*V/v*: *Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Ông Hoàng Văn Bốn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/3/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (*Bà H và ông C đều có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Hoàng Văn C được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập vợ con, không tu chí làm ăn. Bà xác định không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn giữa bà với ông C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế bà

và ông C đã sống ly thân nhau mỗi người một nhà không ai quan tâm đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Hoàng Văn C theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà và ông Hoàng Văn C có 02 người con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 01/02/1994 và Hoàng Văn T, sinh ngày 18/9/2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Bà và ông Hoàng Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Bà và ông Hoàng Văn C không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn C trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Phạm Thị H được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay bà Phạm Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Phạm Thị H thì ông mong muốn ông bà quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông và bà Phạm Thị H có 02 con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 01/02/1994 và Hoàng Văn T, sinh ngày 18/9/2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Ông và bà Phạm Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Ông và bà Phạm Thị H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại thôn K, xã M, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà H và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông C thường xuyên uống rượu say về dẫn vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau, đại diện thôn đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống khoảng 01 năm nay. Quan điểm của thôn là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 27/3/2025 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ trước đến nay không thể hiện việc bà Phạm Thị H có đăng ký kết hôn với ông Hoàng Văn C.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án gồm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 02 Căn cước công dân của bà H và ông C (Bản sao chứng thực); 01 Giấy xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 02 Giấy khai sinh của con chung (Bản sao chứng thực).

- Bị đơn ông Hoàng Văn C cung cấp cho Tòa án: Không có.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Hoàng Văn C chấp hành tốt các quy định pháp luật khi Tòa án báo gọi đến làm việc và tham gia phiên tòa.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Hoàng Văn C không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Hoàng Văn C nên xác định đây là vụ án "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Hoàng Văn C là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn

K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*" và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: "*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*". Như vậy, bà H và ông C chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế bà H và ông C đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy bà H làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông C. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông C. Xét thấy yêu cầu của bà Phạm Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 01/02/1994 và Hoàng Văn T, sinh ngày 18/9/2000. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cả hai con chung của bà H và ông C đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Hoàng Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 27 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 24/02/2025). Ghi nhận bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bị đơn ông Hoàng Văn C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã M (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng